

Số: /SGDDĐT-QLCL

Đà Nẵng, ngày tháng 4 năm 2026

V/v thông báo số liệu học sinh đăng kí  
tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT  
năm học 2026-2027

Kính gửi:

- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các đơn vị, trường học trực thuộc Sở.

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh năm học 2026-2027 được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 13/3/2026, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) thông báo số liệu học sinh đăng kí dự thi (ĐKDT) vào lớp 10 các trường THPT năm học 2026-2027 như sau:

1. Thống kê số lượng học sinh ĐKDT

- Số lượng học sinh ĐKDT vào các lớp 10 trường THPT công lập: Phụ lục 1 đính kèm;

- Số lượng học sinh ĐKDT vào các trường THPT chuyên: Phụ lục 2 đính kèm;

- Số lượng học sinh ĐKDT vào các trường THPT theo ngoại ngữ Tiếng Nhật, Tiếng Pháp: Phụ lục 3 đính kèm.

2. Sở GDĐT yêu cầu UBND các xã, phường, đặc khu chỉ đạo các trường THCS trực thuộc, các trường THPT có cấp học THCS

- Thông báo rộng rãi số liệu học sinh đăng kí dự tuyển vào lớp 10 các trường THPT cho cha mẹ học sinh và học sinh lớp 9 biết;

- Căn cứ vào chỉ tiêu, số lượng thí sinh đăng kí dự thi theo nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 và nguyên tắc xét tuyển theo Kế hoạch tuyển sinh, các trường hướng dẫn học sinh thay đổi nguyện vọng trực tuyến trên hệ thống phần mềm tuyển sinh tại địa chỉ: **ts.danang.edu.vn** trong khoảng thời gian từ 08 giờ 00 ngày 26/4/2026 đến 17 giờ 00 ngày 29/4/2026, cụ thể:

+ Thí sinh được phép thay đổi 1 trong 2 nguyện vọng hoặc thay đổi cả 2 nguyện vọng ĐKDT bao gồm: nguyện vọng ĐKDT vào trường THPT công lập, trường THPT chuyên, các lớp Tiếng Nhật, Tiếng Pháp trên Hệ thống tuyển sinh, hủy lựa chọn ĐKDT vào Trường PTDTNT THPT Quảng Nam. Thí sinh không được phép thay đổi nguyện vọng tuyển thẳng hoặc ĐKDT bổ sung vào Trường PTDTNT THPT Quảng Nam, các trường THPT chuyên;

+ Sau khi hoàn thành thay đổi nguyện vọng, thí sinh phải tự in phiếu thay đổi nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh và cùng với cha/mẹ kí xác nhận trên phiếu, nộp phiếu trực tiếp cho trường THCS của thí sinh trong thời gian thay đổi nguyện vọng nêu trên (riêng thí sinh tự do, học viên GDTX thì nộp tại Sở GDĐT).

- Sau khi hết thời hạn thay đổi nguyện vọng (17 giờ 00 ngày 29/4/2026), Hệ thống sẽ đóng chức năng thay đổi nguyện vọng để chuyển dữ liệu qua Hội

đồng thi để bố trí các cụm thi, điểm thi và sẽ không giải quyết các yêu cầu thay đổi nguyện vọng dự tuyển.

3. Đối với các thí sinh có kết quả Kỳ thi Tin học trẻ và Giải thể thao học sinh cấp thành phố sau thời gian đăng ký dự thi, chưa khai báo điểm khuyến khích trên hệ thống, thí sinh liên hệ và gửi minh chứng về các giải đã đạt được cho trường THCS đang học chậm nhất 11 giờ 00 ngày 28/4/2026 để được cập nhật điểm khuyến khích.

Nhận được Công văn này, đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu, thủ trưởng các đơn vị, trường học triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- [www.danang.edu.vn](http://www.danang.edu.vn);
- Lưu: VT, QLCL.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Thị Bích Thuận**

**Phụ lục 1***(Đính kèm Công văn số /SGDDT-QLCL ngày 24/4/2026 của Sở GDĐT)***THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐĂNG KÍ DỰ THI  
VÀO CÁC LỚP 10 TRƯỜNG THPT CÔNG LẬP**

TT	Xã/Phường	Trường THPT	Chỉ tiêu	Số lượng thí sinh đăng kí	
				NV1	NV2
1	Phường An Hải	THPT Hoàng Hoa Thám	585	1.014	95
2	Phường An Hải	THPT Ngô Quyền	630	718	1.366
3	Phường An Hải	THPT Sơn Trà	495	758	998
4	Phường An Hải	THPT Tôn Thất Tùng	720	373	1.990
5	Phường An Thắng	THPT Nguyễn Khuyến	540	677	539
6	Phường Cẩm Lệ	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	405	637	330
7	Phường Cẩm Lệ	THPT Cẩm Lệ	585	618	603
8	Phường Cẩm Lệ	THPT Hòa Vang	405	746	41
9	Phường Điện Bàn	THPT Nguyễn Duy Hiệu	585	861	1.191
10	Phường Điện Bàn Đông	THPT Lương Thế Vinh	675	857	556
11	Phường Hải Châu	THPT Phan Châu Trinh	1.440	2.922	42
12	Phường Hải Châu	THPT Trần Phú	900	1.404	1.413
13	Phường Hải Vân	THPT Liên Chiểu	585	835	1.066
14	Phường Hòa Cường	THPT Nguyễn Hiền	720	785	1.553
15	Phường Hòa Khánh	THPT Nguyễn Thượng Hiền	630	689	426
16	Phường Hòa Khánh	THPT Phạm Phú Thứ	495	811	1.360
17	Phường Hòa Xuân	THPT Nguyễn Văn Thoại	450	670	476
18	Phường Hòa Xuân	THPT Phan Thành Tài	540	653	940
19	Phường Hội An	PTDTNT THPT Quảng Nam	175	633	
20	Phường Hội An	THPT Trần Quý Cáp	540	916	883
21	Phường Hội An Đông	THPT Trần Hưng Đạo	405	589	441
22	Phường Hội An Tây	THPT Nguyễn Trãi - Hội An	585	791	1.217
23	Phường Hương Trà	THPT Phan Bội Châu	675	648	1.209
24	Phường Liên Chiểu	THPT Nguyễn Trãi	810	915	186
25	Phường Ngũ Hành Sơn	THPT Võ Chí Công	450	441	1.523
26	Phường Ngũ Hành Sơn	THPT Ngũ Hành Sơn	630	723	523
27	Phường Quảng Phú	THPT Duy Tân	630	452	564
28	Phường Tam Kỳ	THPT Lê Quý Đôn	585	661	855
29	Phường Tam Kỳ	THPT Trần Cao Vân	675	1.209	126
30	Phường Thanh Khê	THPT Thái Phiên	900	1.174	705
31	Phường Thanh Khê	THPT Thanh Khê	630	896	1.297
32	Xã Chiên Đàn	THPT Võ Nguyên Giáp	315	324	699
33	Xã Đại Lộc	THPT Huỳnh Ngọc Huệ	585	562	1.345
34	Xã Đại Lộc	THPT Lương Thúc Kỳ	450	503	1.374
35	Xã Điện Bàn Tây	THPT Hoàng Diệu	450	648	320
36	Xã Đồng Dương	THPT Lý Tự Trọng	270	275	176
37	Xã Đông Giang	THPT Quang Trung - Đông Giang	270	268	235

TT	Xã/Phường	Trường THPT	Chỉ tiêu	Số lượng thí sinh đăng kí	
				NV1	NV2
38	Xã Duy Nghĩa	THPT Hồ Nghinh	450	592	54
39	Xã Duy Xuyên	THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	585	435	742
40	Xã Gò Nổi	THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	270	298	247
41	Xã Hà Nha	THPT Chu Văn An	540	584	109
42	Xã Hiệp Đức	THPT Hiệp Đức	405	439	183
43	Xã Hòa Vang	THPT Ông Ích Khiêm	765	844	1.536
44	Xã Hùng Sơn	THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	135	118	208
45	Xã Khâm Đức	THPT Khâm Đức	315	424	29
46	Xã La Khê	THPT Nguyễn Văn Trỗi	225	234	334
47	Xã Nam Phước	THPT Sào Nam	630	495	814
48	Xã Nam Trà My	THPT Nam Trà My	540	469	463
49	Xã Nông Sơn	THPT Nông Sơn	405	366	27
50	Xã Núi Thành	THPT Nguyễn Huệ	720	763	1.101
51	Xã Núi Thành	THPT Núi Thành	630	809	568
52	Xã Phú Ninh	THPT Nguyễn Dục	495	372	416
53	Xã Phú Thuận	THPT Đỗ Đăng Tuyển	675	683	179
54	Xã Quế Sơn	THPT Quế Sơn	450	420	598
55	Xã Quế Sơn Trung	THPT Trần Đại Nghĩa	360	289	593
56	Xã Sông Vàng	THPT Âu Cơ	225	209	255
57	Xã Tam Anh	THPT Cao Bá Quát	585	499	568
58	Xã Tây Giang	THPT Tây Giang	225	227	153
59	Xã Tây Hồ	THPT Trần Văn Dư	360	394	173
60	Xã Thăng An	THPT Nguyễn Thái Bình	675	676	145
61	Xã Thăng Bình	THPT Thái Phiên - Thăng Bình	500	381	1.099
62	Xã Thăng Bình	THPT Tiểu La	720	639	1.110
63	Xã Thăng Điện	THPT Hùng Vương	585	613	105
64	Xã Thạnh Mỹ	THPT Tố Hữu	270	344	283
65	Xã Thu Bồn	THPT Lê Hồng Phong	450	446	116
66	Xã Tiên Phước	THPT Huỳnh Thúc Kháng	630	669	433
67	Xã Tiên Phước	THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	495	394	703
68	Xã Trà My	THPT Bắc Trà My	585	714	398
69	Xã Việt An	THPT Trần Phú - Việt An	450	293	592
70	Xã Xuân Phú	THPT Nguyễn Văn Cừ	585	486	139
<b>Tổng cộng</b>			<b>37.350</b>	<b>44.274</b>	<b>43.136</b>

**Phụ lục 2***(Đính kèm Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày 24/4/2026 của Sở GDĐT)***THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐĂNG KÍ DỰ THI VÀO  
CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN**

Lớp chuyên	THPT Chuyên Lê Thánh Tông			THPT Chuyên Lê Quý Đôn			THPT Chuyên Nguyễn Bình Khiêm		
	Chỉ tiêu	Số lượng thí sinh đăng kí		Chỉ tiêu	Số lượng thí sinh đăng kí		Chỉ tiêu	Số lượng thí sinh đăng kí	
		NV1	NV2		NV1	NV2		NV1	NV2
Toán	35	151	72	70	399	108	35	151	34
Sinh học	35	97	46	35	156	55	35	86	20
Ngữ văn	35	156	49	35	304	99	35	161	31
Lịch sử	35	80	34	17	89	48	35	101	9
Địa lí	35	76	23	18	84	38	35	70	14
Tiếng Anh	35	190	79	70	524	126	35	169	52
Tin học	35	61	29	35	82	48	35	87	13
Hoá	35	108	54	35	217	73	35	125	23
Vật lí	35	101	49	50	198	74	35	109	22
Tiếng Nhật	0	0	0	15	37	0	0	0	0
Tiếng Pháp	0	0	0	15	26	0	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>315</b>	<b>1020</b>	<b>435</b>	<b>395</b>	<b>2116</b>	<b>669</b>	<b>315</b>	<b>1059</b>	<b>218</b>

**Phụ lục 3***(Đính kèm Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày 24/4/2026 của Sở GDĐT)***THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐĂNG KÍ DỰ THI VÀO  
CÁC LỚP TIẾNG PHÁP, TIẾNG NHẬT**

TT	Trường THPT	Tiếng Pháp		Tiếng Nhật	
		Chỉ tiêu (trong tổng chỉ tiêu đã giao)	Số lượng Đăng ký	Chỉ tiêu (trong tổng chỉ tiêu đã giao)	Số lượng Đăng ký
01	THPT Phan Châu Trinh	40	90	40	54
02	THPT Nguyễn Hiền	40	19		
03	THPT Hoàng Hoa Thám			40	39
<b>Tổng cộng</b>		<b>80</b>	<b>109</b>	<b>80</b>	<b>93</b>